

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v ly hôn, trA chấp về nuôi con

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Lê Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Thế Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, trA chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hương D, sinh năm **1987**

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Bến C, xã Ninh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

2. *Bị đơn:* A **Lê Đức A**, sinh năm **1990**

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Bến C, xã Ninh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

Chị D, A Đức A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương D trình bày:

Về hôn nhân: chị và A Lê Đức A chung sống và kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Phước V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn vì A Đức A có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Hơn nữa, vợ chồng còn mâu thuẫn do A Đức A ham chơi, không lo làm ăn. Vợ chồng A chị đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với A Đức A.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 08/5/2012, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn A Lê Đức A trình bày:

Về hôn nhân: A thống nhất thời gian kết hôn như chị D trình bày, A chị chung sống có đăng ký kết hôn năm 2011. Vợ chồng chung sống mâu thuẫn về quan điểm, cách sống nên ly thân nhau từ tháng 4/2022 đến nay. Nguyên nhân là do A muốn ra riêng nhưng chị D không chịu, muốn vợ chồng sống cùng gia đình bên vợ. Trước đây, A thừa nhận có ham chơi nhưng nay đã thay đổi, lo làm ăn, có công việc ổn định. A không có người phụ nữ khác bên ngoài, do chị D ghen tuông vô cớ. Tuy nhiên, hôn nhân là do vợ tự quyết định, nếu vợ cương quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định, A không có ý kiến.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc Trăm, sinh ngày 08/5/2012. A đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, A xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện

đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, trA chấp về nuôi con của chị D đối với A A. Giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, A Đức A không cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét. Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương D vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, trA chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị D và A Đức A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt A chị.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị D Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: A chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại xã Phước V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011 nên căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa chị D và A Đức A là hợp pháp. A chị đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tình cảm, mâu thuẫn về tiền bạc, quan điểm, lối sống. A chị đã ly thân nhau, A Đức A để chị D quyết định việc vợ chồng có tiếp tục chung sống hay

không nhưng chị D cương quyết ly hôn. Từ đó thấy rằng tình trạng hôn nhân của A chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: con chung có nguyện vọng sống với mẹ nên xét thấy cần giao con chung là Lê Thị Ngọc Trăm, sinh ngày 08/5/2012 cho chị D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, A Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: A chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. A chị xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị Nguyễn Thị Hương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017334 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Hương D đối với A Nguyễn Đức A.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương D và A Nguyễn Đức A.

Về con chung: giao con chung Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 08/5/2012 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, A Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: A chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, A chị xác định vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017334 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu